

CÔNG TY TNHH S.T.FOOD  
MARKETING

Số: 01/2024/CV-GOCXANH

V/v: Bổ sung phiếu kết quả kiểm nghiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

Khánh Hoà, ngày 07 tháng 11 năm 2024

THÔNG BÁO

SỞ CÔNG THƯƠNG KHÁNH HOÀ  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT  
THƯƠNG MẠI GÓC XANH

Địa chỉ: Thôn Phước Sơn, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh

Khánh Hoà, Việt Nam

Điện thoại: 0833 665 479

Mã số doanh nghiệp: 0312385154

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH đã  
nộp hồ sơ tự công bố sản phẩm đến **SỞ CÔNG THƯƠNG KHÁNH HOÀ** cho các sản phẩm  
sau:

Tên sản phẩm	Số Tự công bố	Ngày công bố	Ngày tiếp nhận
SÚP TỔ YẾN BÀO NGƯ	04/GOCXANH/2024	03/10/2024	23/10/2024
SÚP TỔ YẾN SÒ ĐIỆP	05/GOCXANH/2024	03/10/2024	23/10/2024
SÚP TỔ YẾN HẢI SÂM	06/GOCXANH/2024	03/10/2024	23/10/2024
SÚP TỔ YẾN HẢI SÀN	07/GOCXANH/2024	03/10/2024	23/10/2024

Do sơ suất trong quá trình soạn hồ sơ nên chúng tôi đã nộp Phiếu kết quả kiểm nghiệm chưa  
đầy đủ chỉ tiêu. Vì vậy, chúng tôi xin nộp bổ sung Phiếu kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn  
cho 04 sản phẩm nói trên (Phiếu kết quả kiểm nghiệm đính kèm).

Căn cứ khoản 4 điều 5 nghị định số 15/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều  
của Luật An Toàn Thực Phẩm: "Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi về tên sản phẩm, xuất xứ,  
thành phần cấu tạo thì tổ chức, cá nhân phải tự công bố lại sản phẩm. Các trường hợp có sự thay  
đổi khác, tổ chức, cá nhân thông báo bằng văn bản về nội dung thay đổi đến cơ quan quản lý nhà  
nước có thẩm quyền và được sản xuất, kinh doanh sản phẩm ngay sau khi gửi thông báo."

Bằng công văn này chúng tôi xin được thông báo đến Quý cơ quan nội dung nói trên. Chúng  
tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn  
chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ. Kinh doanh sản phẩm đạt chất lượng và an toàn đúng  
theo quy định và tiêu chuẩn đã ban hành.

Trân trọng cảm ơn và kính chào!

Tài liệu đính kèm

Phiếu kết quả kiểm nghiệm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



Lê Vy Vy



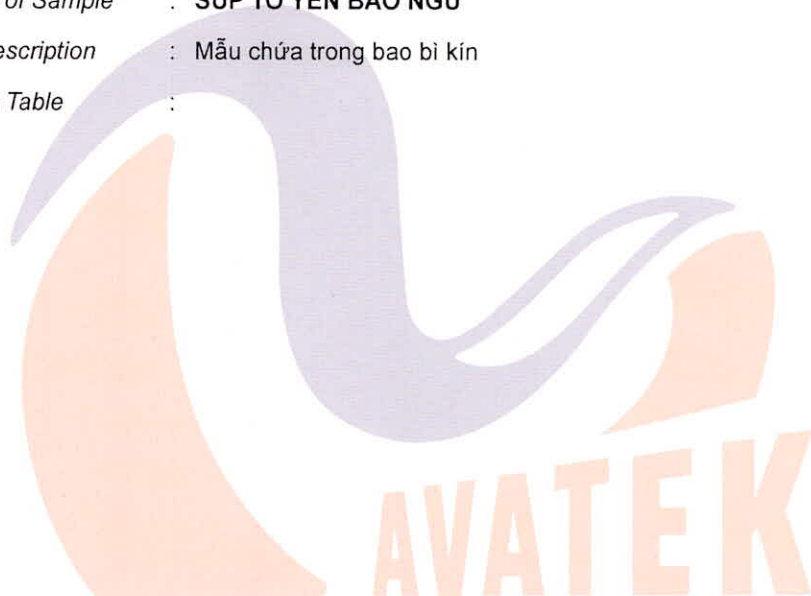


Trang/ Page No: 1/3

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: AVA2240501903-1

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH  
Địa chỉ/ Client's Address : Thôn Phước Sơn, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 23/05/2024  
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 23/05/2024 - 28/05/2024  
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 28/05/2024  
Thông tin mẫu/ Name of Sample : SÚP TỖ YẾN BÀO NGƯ  
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín  
Bảng kết quả/ Results Table :





**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	3.5x10 <sup>2</sup>	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
2	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
4	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
5	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 975.55
6	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
7	Vibrio parahaemolyticus (*) / Vibrio parahaemolyticus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	NMKL 156:1997
8	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 980.31
9	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
10	Aflatoxin tổng số (B1. B2. G1. G2) (*) / Sum of Aflatoxin (B1. B2. G1. G2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
11	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
12	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/092 (Ref. EN 17194:2019)





**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
13	Fumonisin tổng số (FB1, FB2) (*) / Sum of Fumonisin (FB1, FB2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 1.5)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/095 (Ref. TCVN 8162:2009, EN 1385:2001)
14	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
15	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
16	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
17	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- (\*\*).(\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (<sup>CN</sup>) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (<sup>CN</sup>) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (<sup>TS</sup>) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (<sup>TS</sup>) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**BÙI TÂN BÌNH**



**TRẦN HOÀNG VINH**





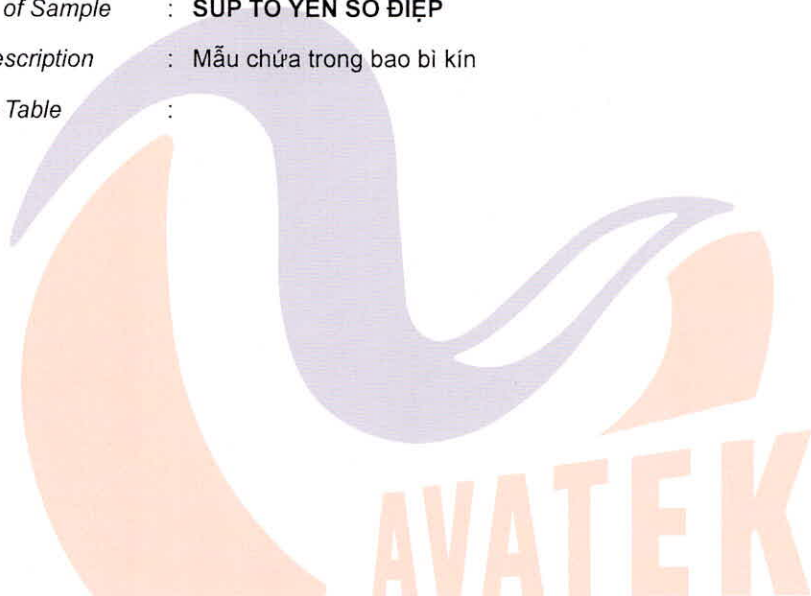


Trang/ Page No: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AVA2240501903-2

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH  
Địa chỉ/ Client's Address : Thôn Phước Sơn, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 23/05/2024  
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 23/05/2024 - 28/05/2024  
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 28/05/2024  
Thông tin mẫu/ Name of Sample : SÚP TÒ YẾN SÒ ĐIỆNP  
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín  
Bảng kết quả/ Results Table :



*Power*

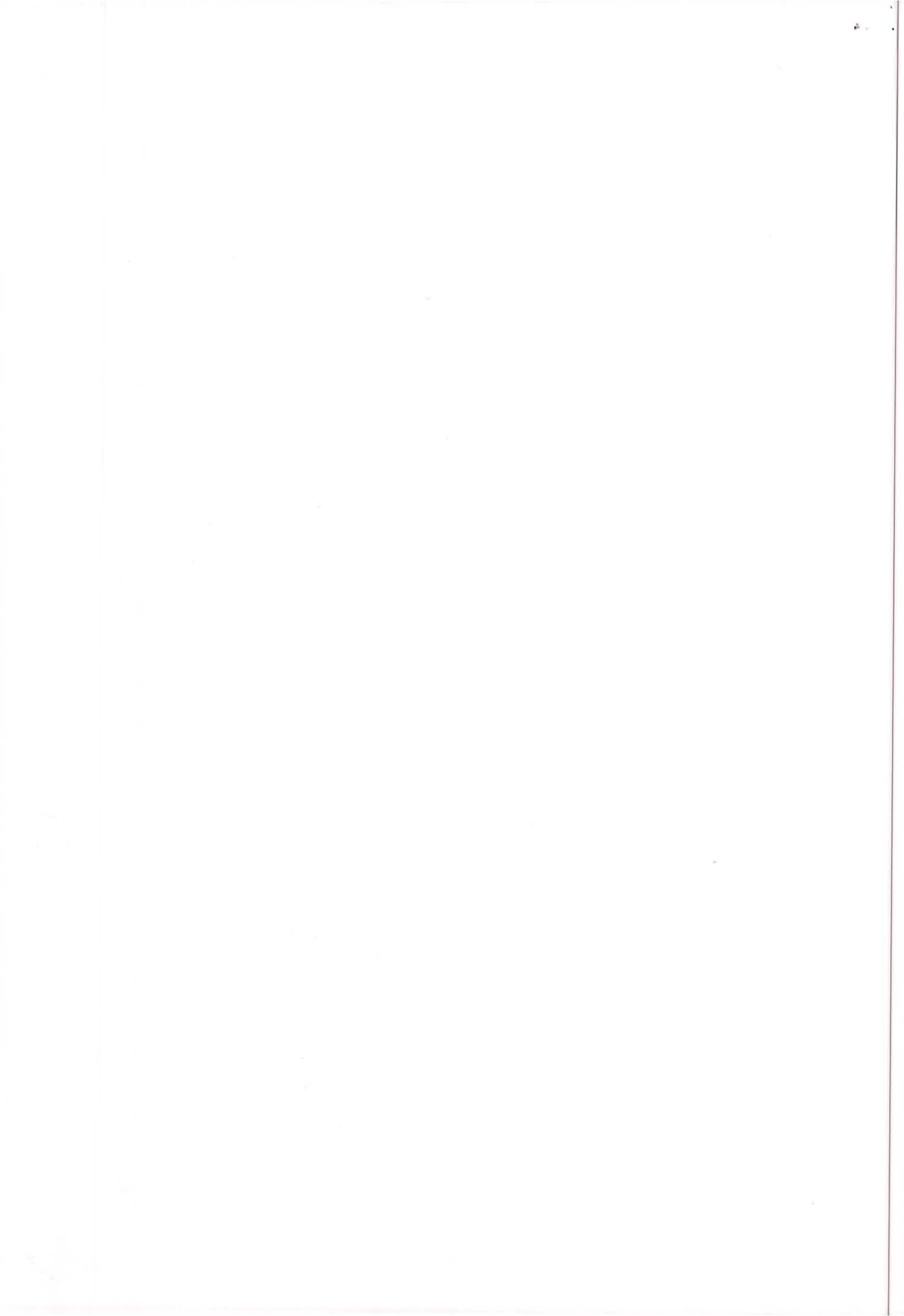




**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	3.1x10 <sup>2</sup>	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
2	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
4	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
5	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 975.55
6	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
7	Vibrio parahaemolyticus (*) / Vibrio parahaemolyticus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	NMKL 156:1997
8	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 980.31
9	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
10	Aflatoxin tổng số (B1. B2. G1. G2) (*) / Sum of Aflatoxin (B1. B2. G1. G2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
11	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
12	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/092 (Ref. EN 17194:2019)







Trang/ Page No: 3/3

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: AVA2240501903-2

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
13	Fumonisin tổng số (FB1. FB2) (*) / Sum of Fumonisin (FB1. FB2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 1.5)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/095 (Ref. TCVN 8162:2009, EN 1385:2001)
14	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
15	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
16	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
17	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)



**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- (\*\*).(\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*\*).(\*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.

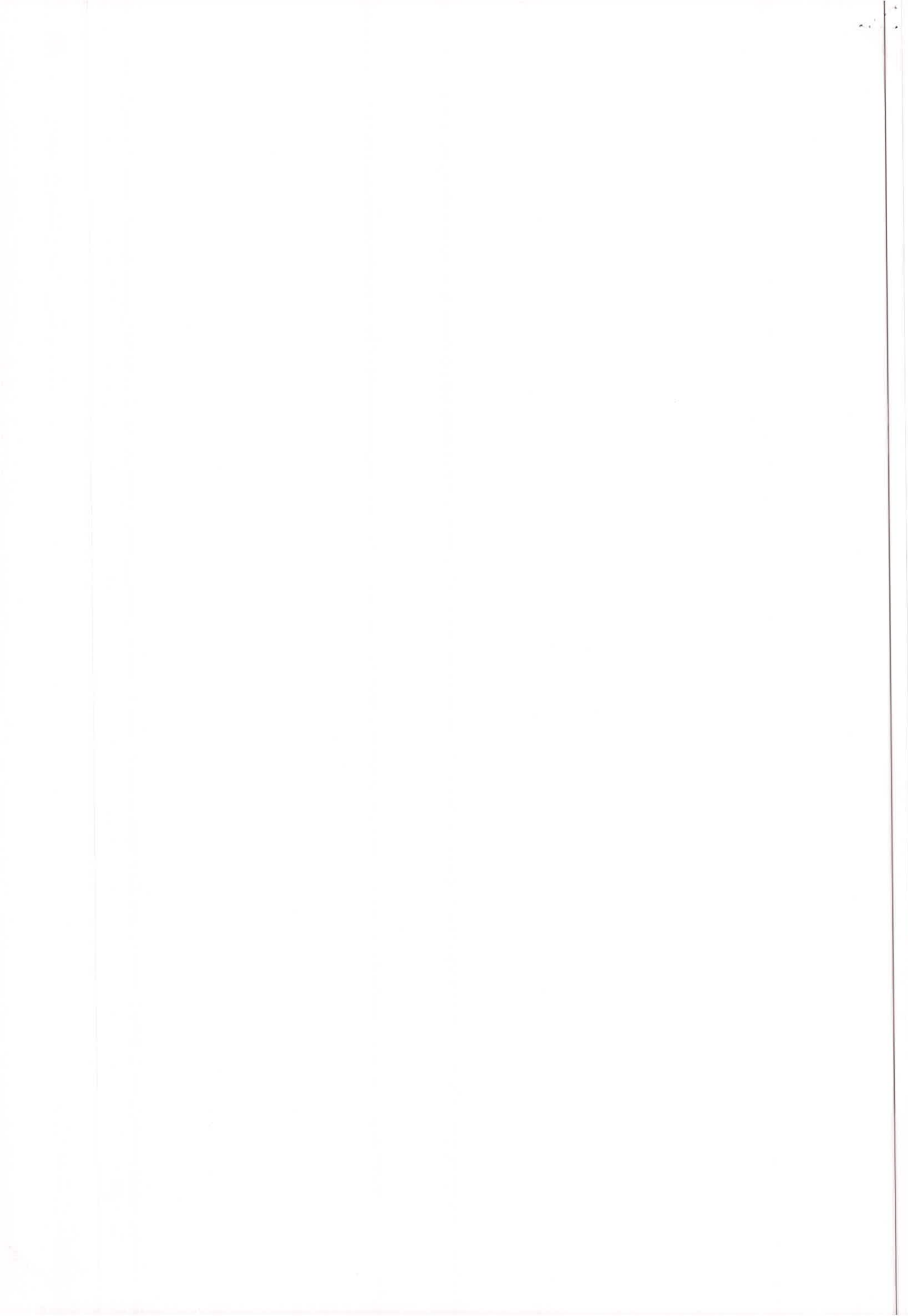
**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**BÙI TÂN BÌNH**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**DEPUTY DIRECTOR**

**TRẦN HOÀNG VINH**





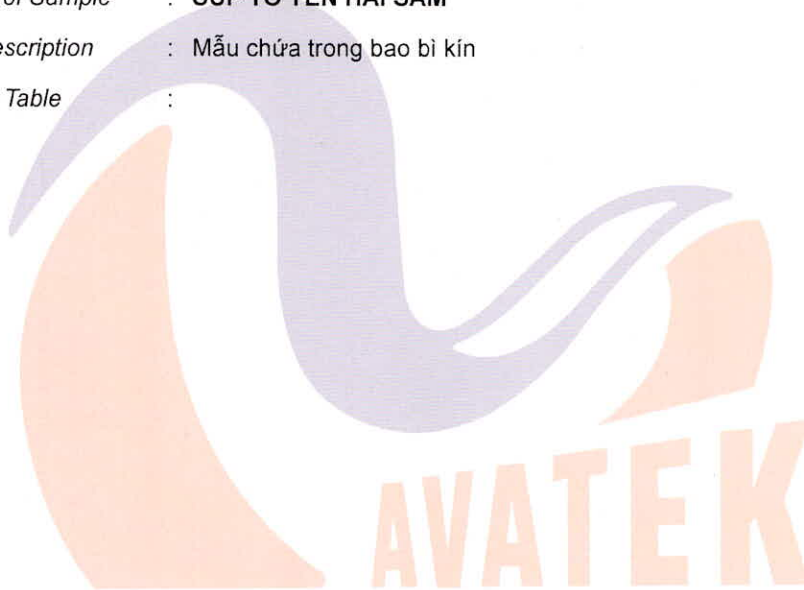


Trang/ Page No: 1/3

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: AVA2240501903-3

**Tên khách hàng/ Client's Name** : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH  
**Địa chỉ/ Client's Address** : Thôn Phước Sơn, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam  
**Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received** : 23/05/2024  
**Ngày thử nghiệm/ Date of testing** : 23/05/2024 - 28/05/2024  
**Ngày trả kết quả/ Date of Issue** : 28/05/2024  
**Thông tin mẫu/ Name of Sample** : SÚP TÓ YẾN HÀI SÂM  
**Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong bao bì kín  
**Bảng kết quả/ Results Table** :





Trang/ Page No: 2/3

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: AVA2240501903-3

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	3.2x10 <sup>2</sup>	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
2	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
4	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
5	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 975.55
6	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
7	Vibrio parahaemolyticus (*) / Vibrio parahaemolyticus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	NMKL 156:1997
8	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 980.31
9	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
10	Aflatoxin tổng số (B1. B2. G1. G2) (*) / Sum of Aflatoxin (B1. B2. G1. G2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
11	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
12	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/092 (Ref. EN 17194:2019)






**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
13	Fumonisin tổng số (FB1, FB2) (*) / Sum of Fumonisin (FB1, FB2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 1.5)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/095 (Ref. TCVN 8162:2009, EN 1385:2001)
14	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
15	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
16	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
17	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- (\*\*).(\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- <sup>(CN)</sup> : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ <sup>(CN)</sup> : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- <sup>(TS)</sup> : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ <sup>(TS)</sup> : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**BÙI TÂN BÌNH**



**TRẦN HOÀNG VINH**







Trang/ Page No: 1/3

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: AVA2240501903-4

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH  
Địa chỉ/ Client's Address : Thôn Phước Sơn, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 23/05/2024  
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 23/05/2024 - 28/05/2024  
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 28/05/2024  
Thông tin mẫu/ Name of Sample : SÚP TÓ YẾN HẢI SẢN  
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín  
Bảng kết quả/ Results Table :





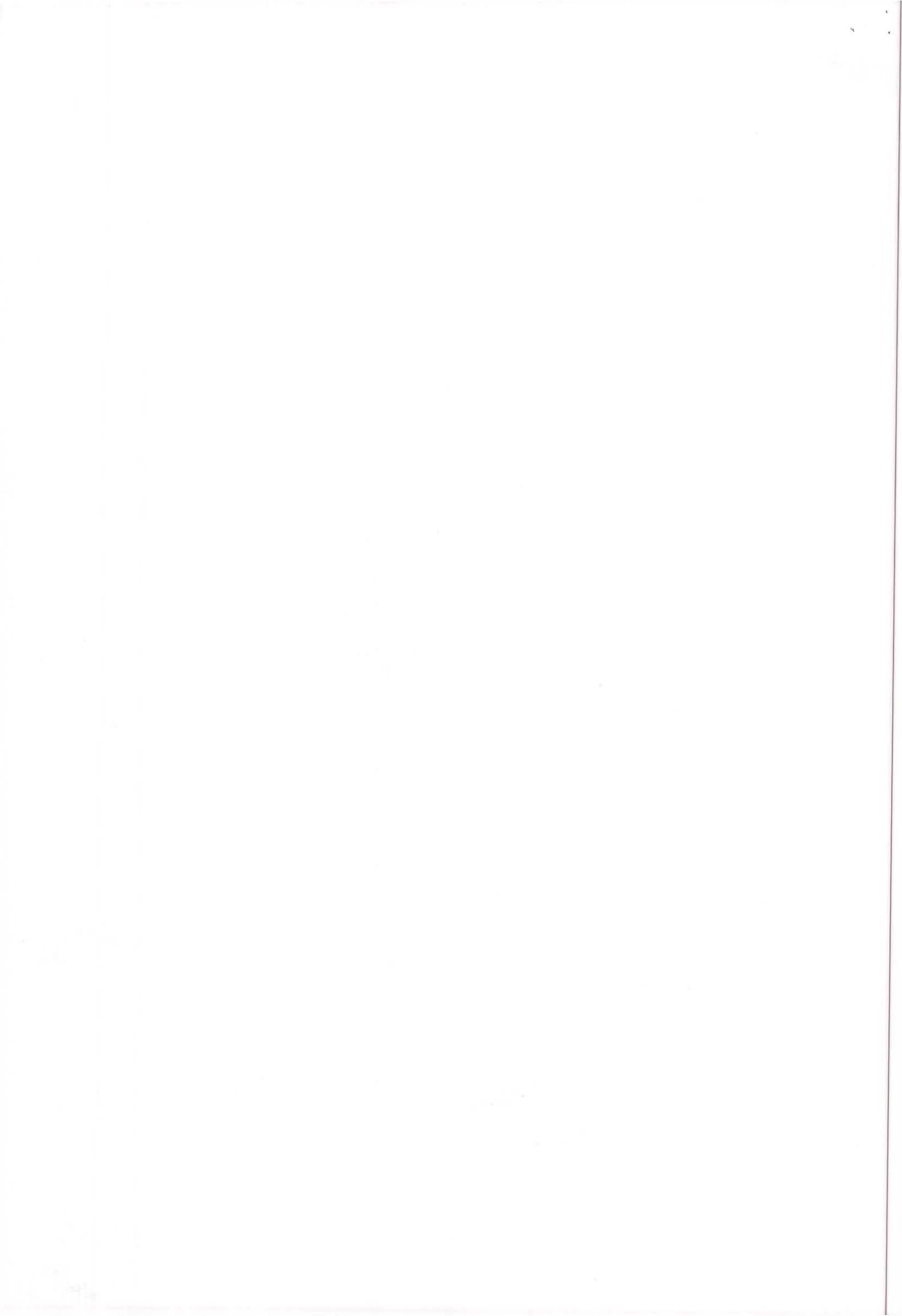
Trang/ Page No: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AVA2240501903-4

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	3.8x10 <sup>2</sup>	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
2	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)
4	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
5	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 975.55
6	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
7	Vibrio parahaemolyticus (*) / Vibrio parahaemolyticus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	NMKL 156:1997
8	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 980.31
9	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
10	Aflatoxin tổng số (B1. B2. G1. G2) (*) / Sum of Aflatoxin (B1. B2. G1. G2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
11	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
12	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/092 (Ref. EN 17194:2019)





Trang/ Page No: 3/3

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: AVA2240501903-4

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
13	Fumonisin tổng số (FB1, FB2) (*) / Sum of Fumonisin (FB1, FB2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 1.5)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/095 (Ref. TCVN 8162:2009, EN 1385:2001)
14	Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
15	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
16	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
17	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- (\*\*)(\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*\*)(\*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (<sup>CN</sup>) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (<sup>CN</sup>) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (<sup>TS</sup>) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (<sup>TS</sup>) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**BÙI TÂN BÌNH**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**DEPUTY DIRECTOR**



**TRẦN HOÀNG VINH**

